

Số: 37/2024/QĐST-HNGĐ

P, ngày 10 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HUNG YÊN

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Đỗ Xuân Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn D, xã M, huyện P, tỉnh H;

Nơi làm việc: Trung đoàn X, Sư đoàn Z, Quân đoàn M - xã M, huyện S, Thành phố H.

- Chị Trần Thị Y, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn D, xã M, huyện P, tỉnh H;

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Đỗ Quang Th, sinh ngày 25/10/2009;

+ Cháu Đỗ Tiến Th1, sinh ngày 13/3/2014;

Địa chỉ: Thôn D, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Y;

Người đại diện hợp pháp của cháu Th, cháu Th1: Anh Đỗ Xuân Đ và chị Trần Thị Y là bố mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Xuân Đ và chị Trần Thị Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P ngày 28/11/2008 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị Y là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung

sống, tình cảm vợ chồng anh, chị bình thường đến năm 2020 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống và suy nghĩ của mỗi người khác nhau nên sống với nhau không được hoà hợp, không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuýt xảy ra cãi nhau. Khoảng tháng 02/2024, anh Đ và chị Y sống ly thân nhau mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung, không còn trách nhiệm với nhau. Nay anh Đ và chị Y đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai anh chị đều thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn, yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Đỗ Xuân Đ và chị Trần Thị Y xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Quang Th, sinh ngày 25/10/2009 và cháu Đỗ Tiến Th1, sinh ngày 13/3/2014. Ly hôn, anh Đ và chị Y thoả thuận thống nhất giao cháu Th cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Th1 cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th và cháu Th1 đủ 18 tuổi. Anh Đ và chị Y thoả thuận mỗi người nuôi một cháu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Sau khi ly hôn, anh Đ và chị Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Đỗ Xuân Đ và chị Trần Thị Y tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Xuân Đ và chị Trần Thị Y thoả thuận thống nhất, anh Đ tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thoả thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không Th1 lập ngày 31/5/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo Đ xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không Th1, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Xuân Đ và chị Trần Thị Y thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Đỗ Xuân Đ và chị Trần Thị Y xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Quang Th, sinh ngày 25/10/2009 và cháu Đỗ Tiến Th1, sinh ngày 13/3/2014. Ly hôn, anh Đ và chị Y thoả thuận thống nhất giao cháu Th cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Th1 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th và cháu Th1 đủ 18 tuổi. Anh Đ và chị Y thoả thuận mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sau khi ly hôn, anh Đ và chị Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Đỗ Xuân Đ và chị Trần Thị Y tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Xuân Đ và chị Trần Thị Y thỏa thuận, anh Đ tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0000686 ngày 10/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Y. Anh Đ đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS
- TAND tỉnh Hưng Y;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền